

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thế Phương Nam

Bà Cao Lê Cẩm Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước G, sinh năm 1993 - Địa chỉ: Ấp X, xã MA, huyện TT, tỉnh Long An.

Bị đơn: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1994 - Địa chỉ: Ấp X, xã MA, huyện TT, tỉnh Long An.

(Ông G và bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2022 và các văn bản trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Phước G trình bày: Ông và bà Lê Thị Cẩm T tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MA, huyện TT, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 ngày 25/8/2015. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông bà không còn sống chung với nhau. Bà T đã bỏ đi sống ở nhà trọ. Tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phước Minh N, sinh ngày 14/11/2015, đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày tại bản tự khai ghi ngày 16/02/2023:
Bà với ông G cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MA, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Tháng 6 năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lý do không hợp nhau. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân.

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Phước G.

Về nuôi con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phước Minh N, sinh ngày 14/11/2015, đang sống chung với ông G. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để con cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Phước G yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Cẩm T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Phước G và bà Lê Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước G và bà Lê Thị Cẩm T tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015. Ông G, bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MA, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyển số 01 ngày 25/8/2015. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà T đã bỏ đi. Ông G kiên quyết ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa. Bà T cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án. Xét thấy, mục đích hôn nhân của ông G, bà T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông G.

[3] Về nuôi con chung: Ông G và bà T có một con chung tên Nguyễn Phước Minh N, sinh ngày 14/11/2015. Sau khi ly hôn, bà T đồng ý để con cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại con đang sống chung với ông G. Nên giao con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông G không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Ông G và bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Ông G và bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng ông G và bà T, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước G về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bà Lê Thị Cẩm T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước G được ly hôn với bà Lê Thị Cẩm T.

2. Về nuôi con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Phước Minh N, sinh ngày 14/11/2015 cho ông Nguyễn Phước G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông G không yêu cầu.

Mặc dù không trực tiếp nuôi con chung nhưng bà T được quyền đến thăm, chăm sóc giáo dục con. Khi cần thiết bà T, ông G có quyền thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông G và bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Về nợ chung: Ông G và bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng ông G và bà T, nên Hội đồng xét xử không đề

cấp giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Phước G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông G nộp theo biên thu lai số 0002747, ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Ông G đã nộp đủ. Bà Lê Thị Cẩm T không phải chịu án phí.

6. Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã MA;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ